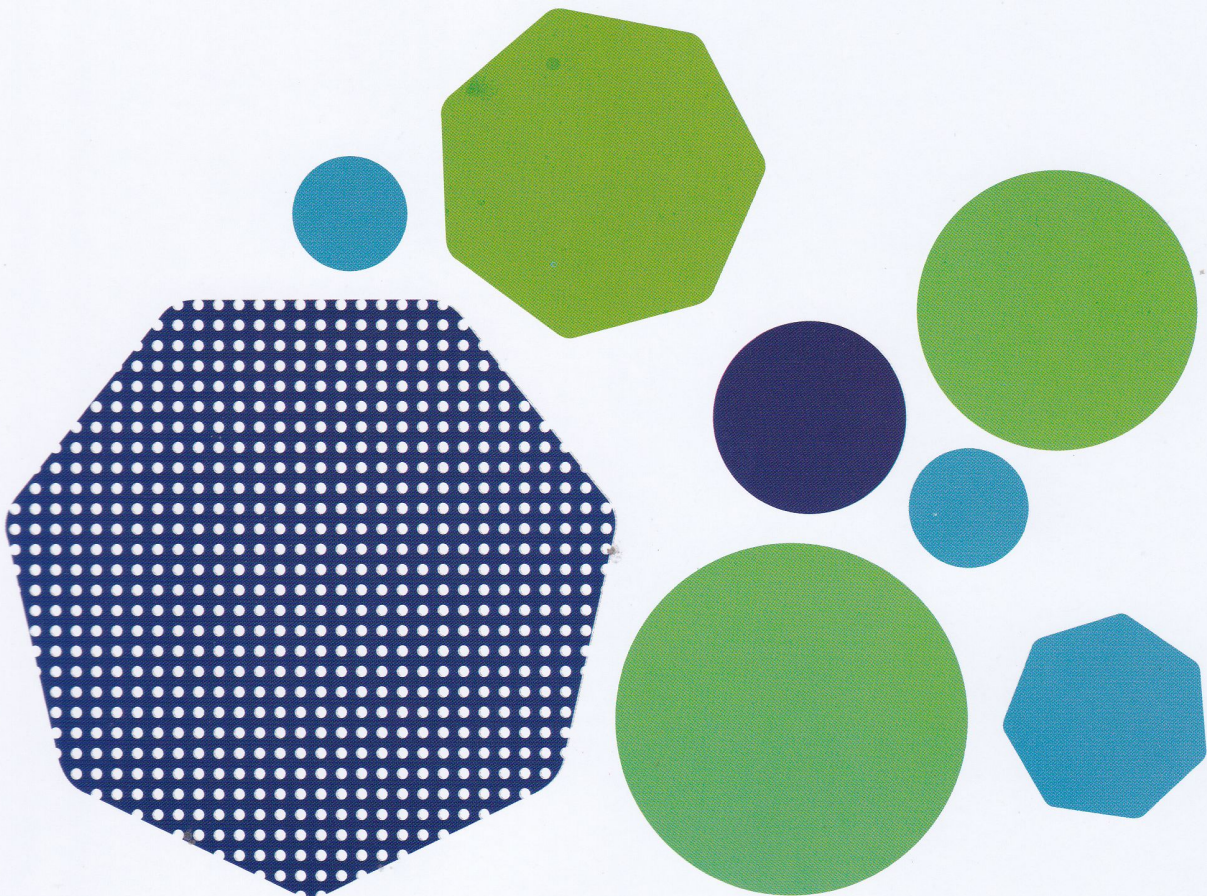


**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



Tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Huyền	Thành viên
Ông Trịnh Duy Hiền	Thành viên
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên
Bà Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 03/06/2020

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đình Hành	Giám đốc
Ông Trần Xuân Huyền	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Duy Hiền	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là ông Phạm Minh Tuấn.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cụ thể:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Đình Hành

Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/03/2021 từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.192.204.993	33.784.684.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.195.741.855	23.457.329.125
1. Tiền	111		1.809.963.355	10.358.876.425
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.385.778.500	13.098.452.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.755.050.664	8.111.771.244
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.842.289.220	5.389.425.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.025.000.000	1.625.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	887.761.444	1.097.346.180
IV. Hàng tồn kho	140	7	10.979.107.418	1.297.107.786
1. Hàng tồn kho	141		10.979.107.418	1.297.107.786
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		262.305.056	918.476.794
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	918.476.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.676.959	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	161.628.097	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.942.608.015	52.291.571.710
II. Tài sản cố định	220		47.786.181.415	52.135.145.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	47.786.181.415	52.135.145.110
- Nguyên giá	222		123.336.636.683	120.824.664.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.550.455.268)	(68.689.519.157)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		156.426.600	156.426.600
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	156.426.600	156.426.600
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		79.134.813.008	86.076.256.659


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.582.832.198	23.248.594.478
I. Nợ ngắn hạn	310		14.582.832.198	23.248.594.478
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.392.935.547	5.145.549.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		167.200.601	259.043.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	215.202.642	851.718.810
4. Phải trả người lao động	314		3.491.760.173	7.681.027.671
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	4.113.281.637	5.889.005.936
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.202.451.598	3.422.248.598
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.551.980.810	62.827.662.181
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	64.551.980.810	62.827.662.181
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.782.587.400	62.782.587.400
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.074.781	45.074.781
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.724.318.629	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		79.134.813.008	86.076.256.659



Vũ Đình Hành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021


Phạm Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Phạm Minh Tuấn
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	88.153.282.520	108.334.096.177
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.153.282.520	108.334.096.177
Giá vốn hàng bán	11	14	80.427.868.082	97.405.383.219
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.725.414.438	10.928.712.958
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	834.902.900	409.923.000
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.573.422.290	7.309.958.970
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.986.895.048	4.028.676.988
Thu nhập khác	31		18.136.364	72.000.000
Chi phí khác	32		9.750	76.113.621
Lợi nhuận khác	40		18.126.614	(4.113.621)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.005.021.662	4.024.563.367
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	280.703.033	809.902.252
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.724.318.629	3.214.661.115
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	275	300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	17	275	300



Vũ Đình Hãnh
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Phạm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.452.301.445	108.463.966.117
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(67.290.249.748)	(60.318.780.576)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.624.590.440)	(33.419.060.300)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(377.765.800)	(954.991.115)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.737.238.600)	(1.832.655.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.577.543.143)	11.938.478.226
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(655.419.327)	(585.827.418)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19.950.000	79.200.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		834.902.900	409.923.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		199.433.573	(96.704.418)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.883.477.700)	(1.621.879.405)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.883.477.700)	(1.621.879.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.261.587.270)	10.219.894.403
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	23.457.329.125	13.237.434.722
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.195.741.855	23.457.329.125



Vũ Đình Hành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Phạm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 ngày 15/09/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 02/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2015. Công ty có trụ sở chính đặt tại số 109E, đường Lý Bôn, Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 62.782.590.000 đồng. (Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền

Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.6 DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

3.7 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Trong năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.8 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm 2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	83.176.000	61.594.000
Tiền gửi ngân hàng	1.726.787.355	10.297.282.425
Các khoản tương đương tiền	8.385.778.500	13.098.452.700
Cộng	10.195.741.855	23.457.329.125

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.842.289.220	5.389.425.064
- UBND Tỉnh Thái Bình	-	3.259.000.000
- Thành ủy Thái Bình	458.137.000	-
- UBND Thành phố Thái Bình	4.795.026.944	704.863.444
- Các đối tượng khác	1.589.125.276	1.425.561.620
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	3.259.000.000

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 19)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	887.761.444	-	1.097.346.180	-
- Tạm ứng	887.761.444	-	1.097.346.180	-
Cộng	887.761.444	-	1.097.346.180	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	570.479.028	-	550.165.958	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.408.628.390	-	746.941.828	-
Cộng	10.979.107.418	-	1.297.107.786	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án vườn ươm mới	156.426.600	156.426.600
Cộng	156.426.600	156.426.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2020	65.674.622.335	29.421.451.893	25.645.390.039	83.200.000	120.824.664.267
- Mua trong năm	-	2.328.144.598	428.181.818	-	2.756.326.416
- Thanh lý, nhượng bán	-	(244.354.000)	-	-	(244.354.000)
31/12/2020	65.674.622.335	31.505.242.491	26.073.571.857	83.200.000	123.336.636.683
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2020	35.931.884.621	15.963.727.998	16.784.667.856	9.238.681	68.689.519.157
- Khấu hao trong năm	2.006.740.524	3.678.036.848	1.403.872.739	16.640.000	7.105.290.111
- Thanh lý, nhượng bán	-	(244.354.000)	-	-	(244.354.000)
31/12/2020	37.938.625.145	19.397.410.846	18.188.540.595	25.878.681	75.550.455.268
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2020	29.742.737.714	13.457.723.895	8.860.722.183	73.961.319	52.135.145.110
31/12/2020	27.735.997.190	12.107.831.645	7.885.031.262	57.321.319	47.786.181.415

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 25.700.146.400 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	749.966.432	6.807.981.120	7.557.947.552	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(64.565.330)	280.703.033	377.765.800	(161.628.097)
Thuế thu nhập cá nhân	166.317.708	264.945.954	216.061.020	215.202.642
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	45.177.654	45.177.654	-
Các loại thuế khác	-	3.009.750	3.009.750	-
Cộng	851.718.810	7.401.817.511	8.199.961.776	53.574.545
Phải nộp	916.284.140			215.202.642
Phải thu	-			161.628.097

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	4.113.281.637	5.889.005.936
Phải trả phải nộp khác	4.113.281.637	5.889.005.936
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	-	1.883.477.622
+ <i>Nhận trước tiền di dời vườn ươm</i>	3.978.227.613	3.978.227.613
+ <i>Phải trả phần vốn Nhà nước</i>	2.430	2.430
+ <i>Phải trả khác</i>	135.051.594	27.298.271
Cộng	4.113.281.637	5.889.005.936

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1000219925 ngày 10/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty là 62.782.587.400 đồng, chia thành 6.782.259 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
UBND tỉnh Thái Bình	45.869.587.400	45.869.587.400
Vốn góp của các đối tượng khác	16.913.000.000	16.913.000.000
Cộng	62.782.587.400	62.782.587.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	
+ Vốn góp đầu năm	62.782.587.400	62.782.587.400
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	62.782.587.400	62.782.587.400

12.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.278.259	6.278.259
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu phổ thông	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu phổ thông	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

12.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	41.854.730.000	45.074.781	-	41.899.804.781
- Tăng vốn trong năm	20.927.857.400	-	-	20.927.857.400
- Lãi trong năm	-	-	3.214.661.115	3.214.661.115
- Tạm phân phối lợi nhuận	-	-	(1.883.477.622)	(1.883.477.622)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.331.183.493)	(1.331.183.493)
31/12/2019	62.782.587.400	45.074.781	-	62.827.662.181
01/01/2020	62.782.587.400	45.074.781	-	62.827.662.181
- Lãi trong năm	-	-	1.724.318.629	1.724.318.629
31/12/2020	62.782.587.400	45.074.781	1.724.318.629	64.551.980.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu dịch vụ công ích	69.274.427.455	80.045.839.227
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.878.855.065	28.288.256.950
Cộng	88.153.282.520	108.334.096.177

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	80.427.868.082	97.405.383.219
Cộng	80.427.868.082	97.405.383.219

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	834.902.900	409.923.000
Cộng	834.902.900	409.923.000

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.005.021.662	4.024.563.367
Các khoản chi phí không được trừ	-	24.947.895
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.005.021.662	4.049.511.262
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN	401.004.332	809.902.252
Giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	120.301.299	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	280.703.033	809.902.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.724.318.629	3.214.661.115
Các khoản giảm trừ	-	(1.331.183.493)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(1.331.183.493)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.724.318.629	1.883.477.622
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.278.259	6.278.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	275	300

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.947.942.188	10.087.496.795
Chi phí nhân công	30.624.590.440	33.419.060.300
Khấu hao tài sản cố định	7.105.290.111	7.299.324.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.074.066.184	13.289.329.554
Chi phí bằng tiền khác	27.182.938.448	32.607.918.359
	89.934.827.371	96.703.129.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát	224.000.000	235.000.000
Tiền lương HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	1.041.221.055	1.032.556.877
	1.265.221.055	1.267.556.877

TIỀN CHI THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

TT Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1 Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
2 Vũ Đình Hành	Giám đốc	30.000.000	30.000.000
3 Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên HĐQT	-	25.000.000
4 Trịnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
5 Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
6 Trần Xuân Huyền	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
7 Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
8 Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
9 Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	14.000.000	-
Cộng		224.000.000	235.000.000

TIỀN LƯƠNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1 Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	226.798.040	218.087.481
2 Vũ Đình Hành	Giám đốc	178.348.476	172.110.092
3 Trần Xuân Huyền	Thành viên HĐQT	134.725.855	129.512.376
4 Trịnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT	138.703.396	134.783.520
5 Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	131.242.714	128.002.910
6 Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên HĐQT	-	108.410.195
7 Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	95.232.634	93.056.654
8 Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	70.549.683	48.593.649
9 Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	65.620.257	-
		1.041.221.055	1.032.556.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ tức đã trả	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
UBND Tỉnh Thái Bình	1.376.087.700	1.114.489.450
Phải thu khách hàng	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
UBND tỉnh Thái Bình	-	3.259.000.000

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.



Vũ Đình Hành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Phạm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn
Người lập biểu